

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: Ô TÔ Số Tín chỉ: 4 LỚP: 13CD-Ô3
HỌC KỲ: I NĂM HỌC: 2015 - 2016

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
1	13D2050005	Lê Minh Bằng		5	5	8				8	7.0	7.1
2	13D2050298	Hồ Văn Cảnh		4	5	10				7	7.0	6.9
3	13D2050015	Phạm Quốc Cường		5	7	10				9	8.0	8.2
4	13D2050030	Đỗ Quốc Đạt		3	0	7				6	6.0	5.5
5	13D2050020	Nguyễn Đình Dũng		0	0	0				0.0	0.0	0.0
6	13D2050305	Trần Việt Dũng		7	8	10				10	7.0	8.2
7	13D2050025	Nguyễn Tấn Duy		5	4	10				7	4.5	5.6
8	13D2050050	Nguyễn Tịnh Hải		5	5	8				6	6.0	6.0
9	13D2050060	Trần Đức Hào		5	3	9				6	5.5	5.7
10	13D2050075	Đinh Văn Hội		5	4	8				7	5.0	5.7
11	11D0030051	Lê Đức Huy		5	5	7				7	5.0	5.7
12	13D2050090	Lê Tuấn Khải		4	4	10				6	5.5	5.8
13	13D2050095	Bùi Vũ Khoan		4	4	7				5	5.0	5.0
14	13D2050099	Nguyễn Thanh Linh		7	5	9				7	5.0	6.0
15	13D2050123	Hoàng Văn Nghĩa		4	4	9				5	4.5	4.9
16	13D2050125	Lê Hữu Nghĩa		5	4	9				7	4.5	5.6
17	13D2050130	Huỳnh Văn Nguyên		5	4	9				5	6.0	5.7
18	13D2050135	Nguyễn Thanh Nhân		0	0	0				0	0	0.0
19	13D2050138	Nguyễn Hữu Nhật		5	5	6				5	3.5	4.3
20	13D2050300	Võ Thành Nhật		4	0	9				5	7.5	6.1
21	13D2050140	Lê Văn Nhường		7	5	10				6	7.5	7.0
22	13D2050145	Vũ Minh Phong		5	5	10				7	7.5	7.2
23	13D2050153	Nguyễn Vũ Tiến Phương		6	4	8				6	7.5	6.8
24	13D2050155	Lê Văn Quân		7	7	9				7	6.5	6.9
25	13D2050158	Đặng Anh Qui		6	5	8				7	6.0	6.4
26	13D2050163	Nguyễn Hồng Sang		5	5	10				7	7.0	6.9
27	13D2050170	Trần Ngọc Tài		6	5	10				9	6.5	7.4
28	13D2050179	Nguyễn Chiến Thắng		5	5	9				7	7.5	7.1
29	13D2050180	Trần Văn Thắng		0	0	0				0	0	0.0
30	13D2050185	Lê Hoài Thanh		5	5	10				8	6.0	6.7
31	13D2050190	Nguyễn Tấn Thành		6	5	10				7	5.5	6.3
32	13D2050277	Trần Thanh Thảo		8	7	10				9	6.0	7.4
33	13D2050202	Đỗ Thị Cẩm Thu		6	7	10				9	6.0	7.2
34	13D2050205	Nguyễn Thành Thức		7	4	9				8	7.0	7.2
35	13D2050212	Phạm Minh Tiến		5	6	10				8	9.0	8.3
36	13D2050213	Trịnh Văn Tiến		5	5	10				7	6.0	6.4
37	13D2050210	Lê Văn Tiệp		5	5	9				7	5.5	6.1
38	13D2050217	Nguyễn Đạo Tinh		7	5	10				8	5.5	6.6
39	13D2050218	Nguyễn Lê Phước Toàn		8	4	10				7	6.0	6.6
40	13D2050285	Nguyễn Mạnh Toàn		6	4	9				7	5.0	5.9
41	13D2050220	Phan Anh Toàn		5	5	6				6	4.5	5.1
42	13D2050222	Nguyễn Thành Trí		5	5	9				8	5.5	6.4

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
43	13D2050223	Nguyễn Bảo Triều		5	5	9				6	5.0	5.6
44	13D2050225	Đinh Xuân Trọng		5	4	9				9	5.0	6.4
45	13D2050227	Đoàn Quang Trung		5	4	9				7	6.0	6.3
46	13D2050228	Nguyễn Minh Trung		6	7	10				7	6.5	6.9
47	13D2050230	Nguyễn Toàn Trung		6	5	10				7	4.5	5.8
48	13D2050237	Phạm Xuân Tú		2	0	6				5	6.0	5.0
49	13D2050238	Trương Công Tú		6	6	9				8	6.0	6.8
50	13D2050240	Nguyễn Linh Tuấn		5	4	9				7	4.5	5.6
51	13D2050242	Phạm Hoàng Anh Tuấn		3	4	9				7	6.5	6.4
52	13D2050243	Phan Ngọc Tuấn		7	8	10				8	7.5	7.8
53	13D2050247	Vũ Văn Tuyên		6	7	9				6	5.0	5.8
54	13D2050303	Nguyễn Minh Tuyền		6	5	10				7	6.5	6.8
55	13D2050248	Nguyễn Hữu Văn		5	4	10				7	6.0	6.4
56	13D2050250	Nguyễn Quốc Viên		5	5	10				7	7.0	6.9
57	13D2050253	Trần Quốc Việt		6	7	9				7	6.5	6.8
58	13D2050255	Lý Quốc Vinh		5	8	10				7	5.5	6.4
59	13D2050258	Đỗ Hoàng Minh Vũ		5	4	8				7	6.0	6.2
60	13D2050260	Nguyễn Văn Vũ		8	5	10				7	5.0	6.1
61	13D2050262	Hồ Thanh Xuân		4	5	10				6	5.0	5.6

Yêu cầu : Khoa niêm yết cho sinh viên, lưu Giáo vụ Khoa và nộp bản chính cho Phòng TS - Đào tạo - GTVL.

Tổng danh sách có : 61 SV

Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ	: 0 SV	(0%)	
Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ	: 12 SV	(19.67%)	Tổng số SV có điểm >= 4 đ : 58 SV (95.08%)
Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ	: 41 SV	(67.21%)	
Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ	: 5 SV	(8.2%)	
Tổng số SV có điểm kém <4 đ	: 3 SV	(4.92%)	Tổng số SV có điểm < 4 đ : 3 SV (4.92%)
Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện	: 0 SV	(0%)	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 12 năm 2015

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

NGUYỄN ANH TUẤN

NGUYỄN HỮU MẠNH

NGUYỄN HỮU MẠNH